

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2019/HS-PT

Ngày 22 - 02 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở

Ông Hoàng Nhật Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2019/HSPT ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 220/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; giới tính nữ; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay Khu 1, Chu Chàng, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; Đảng phái, đoàn thể không; con ông Nguyễn Danh Đ (đã chết) và con bà Kiều Thị Ch; chồng Nguyễn Viết T và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự không; hiện bị cáo được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: bà Đặng Thị Ngọc Hà và bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Luật sư Công ty Luật TNHH Việt Tâm – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/12/2013, Nguyễn Thị T được Phòng PA72 Công an thành phố Hà Nội cấp hộ chiếu lần đầu, sau đó đã sử dụng hộ chiếu này để xuất cảnh sang Liên bang Nga lao động. Đến ngày 20/01/2018, T bị trục xuất về nước do hết hạn visa. Do muốn quay lại Liên bang Nga lao động tiếp nên T nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả mang tên người khác để xin cấp hộ chiếu mới.

Khoảng đầu tháng 3/2018, T lên mạng internet tìm hiểu thì thấy có người đăng nhận làm giả giấy chứng minh nhân dân. Sau khi liên hệ được với đối tượng qua mạng (hiện chưa xác định được nhân thân), T đã mượn giấy chứng minh nhân dân số 017142909 của em gái là Nguyễn Thị Y sinh năm 1990, thường trú tại xã M, huyện B, thành phố Hà Nội rồi chuyển giấy chứng minh nhân dân của Yển và giấy chứng minh nhân dân của T cho một người đàn ông không quen biết ở bến xe Mỹ Đình (theo hướng dẫn của người nhận làm giấy chứng minh nhân dân giả). Đến ngày 19/3/2018, theo như lịch hẹn, T ra bến xe Mỹ Đình để nhận giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Thị Y với ảnh, đặc điểm nhận dạng, vân tay là của T, còn thông tin nhân thân là của Nguyễn Thị Y từ một người đàn ông không quen biết. T và người nhận làm giấy chứng minh nhân dân giả thỏa thuận, khi nào T được cấp hộ chiếu mới thì sẽ thanh toán tiền làm giả giấy chứng minh nhân dân, hai bên chưa thống nhất chi phí làm giả là bao nhiêu. Sau khi đã có giấy chứng minh nhân dân giả, T tiếp tục mượn sổ hộ khẩu của gia đình Y. Ngày 20/3/2018, T sử dụng chứng minh nhân dân giả số 017142909 (mang tên Nguyễn Thị Y) và sổ hộ khẩu của gia đình Yển đến phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hà Nội (PA72) nộp hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ Phòng

PA72 kiểm tra phát hiện giấy chứng minh nhân dân giả nên lập biên bản thu giữ và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xác minh giải quyết.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 017142909, họ tên: Nguyễn Thị Y, ngày sinh: 10/6/1990, nơi thường trú: xã M, huyện B, thành phố Hà Nội; 01 (một) hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu họ tên: Nguyễn Thị Y, ngày sinh: 10/6/1990, nơi thường trú: xã M, huyện B, TP. Hà Nội.

Ngày 26/4/2018, Cơ quan an ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chứng minh nhân dân nêu trên.

Tại kết luận giám định số 4665/ KLGD - PC54(Đ4), ngày 16/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: *Giấy chứng minh nhân dân số 017142909, họ tên: Nguyễn Thị Y, ngày sinh 10/6/1990, nơi ĐKKH thường trú: Minh Châu, Ba Vì, TP. Hà Nội, đề ngày 10/01/2010 có dấu vết bóc ảnh cũ thay ảnh mới.*

Ngày 5/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H ra Quyết định trưng cầu giám định số 330 giám định chữ ký và chữ viết trên tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Y với mẫu chữ viết của Nguyễn Thị T có phải do cùng một người viết hay không.

Tại Kết luận giám định số 6465/KLGD-PC54 (Đ4) ngày 08/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: *Chữ ký dạng viết tên “Yến”, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Y trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) là chữ do cùng một người viết ra*

Ngày 12/7/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H ra Quyết định trưng cầu giám định số 331 để giám định dấu vân tay trên giấy chứng minh nhân dân đã thu giữ mang tên Nguyễn Thị Y với dấu vân tay trên chỉ bản mang tên Nguyễn Thị T có phải là của cùng một người không.

Tại Kết luận giám định số 6171/KLGD-PC54 (Đ4) ngày 30/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: *Dấu vân tay dưới mục*

“Ngón trỏ trái” và “Ngón trỏ phải” trên giấy chứng minh nhân dân số 017142909, họ tên: Nguyễn Thị Y (sinh năm: 1990, nơi ĐKKH thường trú: xã M, huyện B, Hà Nội) gửi giám định và các dấu in đường vân ngón trỏ trái và ngón trỏ phải trên chỉ bản họ tên Nguyễn Thị T (sinh năm: 1988, nơi ĐKKH thường trú: xã M, huyện B, Hà Nội) gửi làm mẫu so sánh **là của cùng một người** (BL 46).

Ngày 27/8/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 06, nhằm làm rõ giữa mặt trước và mặt sau Giấy chứng minh nhân dân đã thu giữ có dấu vết bóc tách, ghép hay không.

Tại Kết luận giám định số 7609/KLGD-PC09 (Đ4) ngày 01/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội kết luận: *Giữa mặt trước và mặt sau “Giấy chứng minh nhân dân” cần giám định có dấu vết bóc tách, ghép.*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 220/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2018, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại Điều 340 Bộ luật hình sự năm 2015, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo về việc không yêu cầu về tội danh, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của những người liên quan; tang vật đã thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ nhu cầu cần được cấp hộ chiếu để sang Liên Bang Nga làm việc, Nguyễn Thị T đã sử dụng chứng minh thư nhân dân có mặt trước mang tên Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/6/1990 hộ khẩu thường trú xã M, huyện B, thành phố Hà Nội nhưng ảnh là của Nguyễn Thị T và mặt sau chứa đặc điểm nhận dạng, dấu vân tay của Nguyễn Thị T để nộp cho cơ quan có thẩm quyền xin cấp hộ chiếu. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật; bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo phạm tội theo quy định tại Điều 340 Bộ luật hình sự năm 2015 là không có cơ sở.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước, tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hành vi của bị cáo đã được phát hiện kịp thời nên chưa gây hậu quả; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn

Thị T, giữ nguyên mức hình phạt 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T trình bày bản luận cứ:

+ Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo rút một phần kháng cáo về phần xem xét lại tội danh. Do đó, căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần xem xét về tội danh.

+ Về nội dung: Bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, nên về phần tội danh chúng tôi không có ý kiến gì, đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và đề nghị xem xét cho bị cáo một số tình tiết sau đây để khoan hồng cho bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo nhận thức pháp luật có mức độ, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của những người liên quan; tang vật đã thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Tháng 12/2013, Nguyễn Thị T xuất khẩu

lao động sang Cộng hòa Liên bang Nga. Tháng 01/2018, Nguyễn Thị T bị trục xuất về nước. Vì muốn quay lại Cộng hòa liên bang Nga tiếp tục, lao động; thông qua các mối quan hệ xã hội, T đã liên hệ với một đối tượng để làm chứng minh thư giả mang tên người khác nhưng ảnh là của T để làm thủ tục xin cấp hộ chiếu. Nguyễn Thị T đã cung cấp 01 chứng minh thư của chị Nguyễn Thị Y (là em gái T) và 01 chứng minh thư của Nguyễn Thị T để đưa cho đối tượng trên. Đối tượng trên đã sử dụng chứng minh thư của chị Y, bóc ảnh của chị Y ra và gián ảnh của Nguyễn Thị T vào, bóc tách phần mặt sau của chứng minh thư của chị Y ra và bóc tách chứng minh thư của T lấy mặt sau của chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị T dán vào. Sau khi làm xong chứng minh thư giả nêu trên, đối tượng trên đã chuyển cho Nguyễn Thị T. Nguyễn Thị T đã sử dụng chứng minh thư nhân dân nêu trên có mặt trước mang tên Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/6/1990 hộ khẩu thường trú xã M, huyện B, thành phố Hà Nội nhưng ảnh là của Nguyễn Thị T và mặt sau chứa đặc điểm nhận dạng, dấu vân tay của Nguyễn Thị T để nộp cho cơ quan có thẩm quyền xin cấp hộ chiếu thì bị phát hiện thu giữ. Với hành vi trên thì thấy Nguyễn Thị T đã có hành vi đồng phạm với đối tượng nêu trên để làm giả tài liệu và hành vi sử dụng tài liệu giả (chứng minh thư giả - tên Nguyễn Thị Y nhưng ảnh là của Nguyễn Thị T và nội dung mặt sau của chứng minh thư đứng tên Nguyễn Thị Y được thay bằng nội dung mặt sau của chứng minh thư Nguyễn Thị T) để đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục. Do đối tượng làm giả chứng minh thư nhân dân cho Nguyễn Thị T chưa bắt được, nên cơ quan điều tra đã quyết định tách rút tài liệu liên quan đến các đối tượng nêu trên để tiếp tục điều tra xử lý sau khi có đủ căn cứ và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chỉ khởi tố, điều tra và truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về hành vi “Sử dụng giấy tờ tài liệu giả của cơ quan nhà nước” và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội; bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo phạm tội theo quy định tại Điều 340 Bộ luật hình sự năm 2015 là không có cơ sở.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước. Do bị trục xuất về Việt Nam, vì muốn quay lại Cộng hòa Liên bang Nga, bị cáo đã có hành vi nhờ đối tượng ngoài xã hội làm giả chứng minh thư đứng tên người khác và sử dụng chứng minh thư giả đó đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp hộ chiếu thì bị phát hiện. Do đối tượng mà bị cáo nhờ làm giả chứng minh thư nhân dân chưa bắt được nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến các đối tượng nêu trên để tiếp tục điều tra xử lý sau. Tại phiên tòa, bị cáo khai báo có mức độ. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 6 tháng tù và không cho bị cáo được hưởng án treo là cần thiết. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết gì mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Nguyễn Thị T** 06 tháng tù về tội “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án

phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/02/2019.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa